

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010**



## MỤC LỤC

---

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	5
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 35

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010.

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 185.316.200.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hà Nội: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số CN0103000076 ngày 9 tháng 7 năm 2001.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.

### **2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong 6 tháng đầu năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phạm Thị Sum	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Chủ	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Xuân Trình	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Văn Lang	Thành viên
Ông Thái Văn Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Phạm Công Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/3/2010)
Ông Hồ Doãn Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/3/2010)
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/3/2010)
Ông Trần Tấn Phát	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9/4/2010)
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/6/2010)

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong 6 tháng đầu năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Lang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 12 tháng 8 năm 2010



**NGUYỄN VĂN LỘC**



Số: 11.102/BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:**      **Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào ngày trên. Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ. 0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGÔ THANH BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>640.224.909.438</b>	<b>532.632.377.622</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>14.964.739.201</b>	<b>86.126.277.361</b>
1. Tiền	111		14.964.739.201	22.126.277.361
2. Các khoản tương đương tiền	112			64.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>218.792.983.187</b>	<b>241.481.270.130</b>
1. Phải thu khách hàng	131		59.190.556.336	81.771.274.409
2. Trả trước cho người bán	132		156.567.091.357	149.441.721.542
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		3.132.782.253	10.370.242.842
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(97.446.759)	(101.968.663)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>402.020.816.645</b>	<b>201.271.427.516</b>
1. Hàng tồn kho	141		410.041.945.268	201.271.427.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.021.128.623)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.446.370.404</b>	<b>3.753.402.615</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		120.016.200	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.278.151.359	1.472.234.407
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.048.202.845	2.281.168.208

*(Phần tiếp theo trang 7)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>390.635.416.722</b>	<b>352.107.784.344</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	5.5	<b>57.377.875.179</b>	<b>52.749.681.540</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		67.319.706.517	62.687.990.974
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(9.941.831.338)	(9.938.309.434)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>266.666.645.661</b>	<b>263.749.797.795</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	<b>221.853.529.452</b>	<b>236.628.760.887</b>
+ Nguyên giá	222		477.102.703.541	477.806.521.750
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(255.249.174.089)	(241.177.760.863)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	<b>8.697.611.207</b>	<b>9.328.149.896</b>
+ Nguyên giá	228		12.994.688.800	12.994.688.800
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.297.077.593)	(3.666.538.904)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	<b>36.115.505.002</b>	<b>17.792.887.012</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>52.802.000.000</b>	<b>34.354.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9.1	22.000.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9.2	52.245.515.864	60.845.515.864
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.9.2	(21.443.515.864)	(26.491.515.864)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.788.895.882</b>	<b>1.254.305.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	12.534.590.872	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	1.254.305.010	1.254.305.010
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.030.860.326.160</b>	<b>884.740.161.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>583.691.067.218</b>	<b>459.273.773.550</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>459.352.566.957</b>	<b>334.913.657.539</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	345.078.199.324	256.259.701.621
2. Phải trả người bán	312	5.13	22.539.835.934	24.893.790.942
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	16.031.202.320	7.447.052.420
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.14	3.931.727.283	5.282.658.509
5. Phải trả người lao động	315	5.15	22.307.656.269	15.633.774.473
6. Chi phí phải trả	316	5.16	29.590.210.877	8.856.459.075
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.17	16.243.957.303	13.473.739.558
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.19.1	3.629.777.647	3.066.480.941
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>124.338.500.261</b>	<b>124.360.116.011</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	123.913.296.174	123.913.296.174
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		425.204.087	446.819.837
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>447.169.258.942</b>	<b>425.466.388.416</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>447.169.258.942</b>	<b>425.466.388.416</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.19.2	185.316.200.000	185.316.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.19.1	154.476.840.000	154.476.840.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.19.1	2.721.803.898	(1.852.417.625)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.19.1	43.083.053.253	27.632.282.412
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.19.1	10.351.743.071	6.910.585.120
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.19.1	51.219.618.720	52.982.898.509
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.030.860.326.160</b>	<b>884.740.161.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.175.327.188	2.175.327.188
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		43.706,35	85.211,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 12 tháng 8 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**VÕ CÔNG MINH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN LỘC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010.

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		846.379.253.496	465.951.381.604
2. Các khoản giảm trừ	02		2.151.790.929	657.641.068
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	844.227.462.567	465.293.740.536
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	738.290.348.446	414.138.321.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.937.114.121	51.155.419.244
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.437.350.963	3.588.722.388
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.734.258.862	(12.982.593.307)
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		21.382.551.603	8.271.026.613
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	14.141.007.284	8.567.307.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	15.691.371.964	10.789.588.534
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.807.826.974	48.369.838.969
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.604.616.166	218.991.583
12. Chi phí khác	32	6.8	4.599.702.251	31.045.455
13. Lợi nhuận khác	40		4.913.915	187.946.128
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.812.740.889	48.557.785.097
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	10.593.122.169	497.102.812
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.219.618.720	48.060.682.285

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

Ngày 12 tháng 8 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		919.614.876.231	456.986.740.177
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(614.719.175.347)	(358.996.334.769)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.754.866.568)	(22.589.841.923)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(21.531.574.353)	(6.938.306.110)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.559.695.508)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.611.216.565.511	932.532.912.169
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.890.578.472.633)	(945.052.952.009)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD</b>	<b>20</b>		<b>(37.312.342.667)</b>	<b>55.942.217.535</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(4.694.200.734)	(4.689.396.064)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		4.707.733.993	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97.958.851.108)	(77.152.912.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.156.292.350	3.634.685.675
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.850.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.600.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.166.906.229	1.480.222.988
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(73.872.119.270)</b>	<b>(76.727.399.701)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		447.492.377.881	253.951.706.981
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(381.651.263.598)	(233.846.083.033)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.476.508.500)	(8.592.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính</b>	<b>40</b>		<b>38.364.605.783</b>	<b>20.097.031.948</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(72.819.856.154)</b>	<b>(688.150.218)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>86.126.277.361</b>	<b>19.559.334.401</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.658.317.995	208.004.962
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>14.964.739.201</b>	<b>19.079.189.145</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

Ngày 12 tháng 8 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

---

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 185.316.200.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 45030000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hà Nội: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số CN0103000076 ngày 9 tháng 7 năm 2001.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

---

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.

## **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

---

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư vào ngày khóa sổ được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

#### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

---

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Đối với các tài sản cố định hữu hình trực tiếp tham gia sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An: trong năm tài chính 2009, Công ty đã chuyển đổi từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo số lượng theo Quyết định số 010/2009/QĐ-BHS-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2008 của Hội Đồng Quản Trị. Theo đó, mức khấu hao định mức là 548 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và 765 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Trị An.

Đối với các tài sản cố định còn lại: nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

---

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2010
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
+ Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
+ Thiết bị văn phòng	5 – 6 năm
+ Chi phí đền bù, giải tỏa	5 – 15 năm

#### 4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và các khoản chi phí khác

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ kế toán và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 2% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

---

### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức  
Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế  
Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.
- Lãi đầu tư trồng mía: lãi phải thu từ khoản ứng vốn cho nông dân trồng mía được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với hoạt động sản xuất:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 12 năm, kể từ năm 2001 là 15%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

---

Đối với hoạt động thương mại:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 10 năm, kể từ năm 2001 là 20%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2010 và năm 2011 đối với hoạt động sản xuất; năm 2009 và năm 2010 đối với hoạt động thương mại do có chứng khoán niêm yết lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 153/TCT-PC ngày 14/1/2010 của Tổng Cục Thuế.

- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **4.11. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### **4.12. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này.

*(Phần tiếp theo trang 20)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	941.600.781	4.062.911.974
Tiền gửi ngân hàng	14.023.138.420	18.063.365.387
Các khoản tương đương tiền	-	64.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>14.964.739.201</u></b>	<b><u>86.126.277.361</u></b>

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	59.190.556.336	81.771.274.409
Trả trước cho người bán	156.567.091.357	149.441.721.542
Các khoản phải thu khác	<u>3.132.782.253</u>	<u>10.370.242.842</u>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>218.890.429.946</b>	<b>241.583.238.793</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(97.446.759)</u>	<u>(101.968.663)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>218.792.983.187</u></b>	<b><u>241.481.270.130</u></b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Khoản mục Trả trước cho người bán đã bao gồm khoản ứng vốn ngắn hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An đến ngày 30/06/2010 là 97.589.089.866 đồng.

Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước tiền mua lại phần vốn góp Công ty TNHH Hải Vi	-	6.500.000.000
Cho vay - Công ty TNHH Hải Vi	1.107.100.000	-
Dự án Nhà ở cán bộ công nhân viên	699.816.435	699.816.435
Thuế thu nhập cá nhân	136.131.066	205.598.740
Lãi phải thu tiền gửi ngân hàng	-	681.205.479
Khác	<u>1.189.734.752</u>	<u>2.283.622.188</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.132.782.253</u></b>	<b><u>10.370.242.842</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

### 5.3. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	241.235.557.156	98.967.672.439
Công cụ, dụng cụ	10.853.134.718	10.892.153.675
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.197.173.039	20.167.784.951
Thành phẩm	24.819.693.327	51.510.737.614
Hàng hóa	102.931.236.149	5.069.782.245
Hàng gửi bán	<u>5.150.879</u>	<u>14.663.296.592</u>
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>410.041.945.268</b>	<b>201.271.427.516</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(8.021.128.623)</u>	<u>-</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>402.020.816.645</u></b>	<b><u>201.271.427.516</u></b>

Một phần hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn với giá trị là 176 tỷ đồng, hàng tồn kho được phép luân chuyển với điều kiện giá trị hàng tồn kho ít nhất phải bằng 100 tỷ đồng.

### 5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng công nhân viên	671.952.845	331.168.208
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>2.376.250.000</u>	<u>1.950.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.048.202.845</u></b>	<b><u>2.281.168.208</u></b>

### 5.5. Các khoản phải thu dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác	<u>67.319.706.517</u>	<u>62.687.990.974</u>
<b>Cộng các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>67.319.706.517</b>	<b>62.687.990.974</b>
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	<u>(9.941.831.338)</u>	<u>(9.938.309.434)</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b><u>57.377.875.179</u></b>	<b><u>52.749.681.540</u></b>

Phải thu dài hạn khác là khoản ứng vốn dài hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HOÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

**5.6 . Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	114.958.849.635	347.989.038.155	10.175.302.217	4.683.331.743	477.806.521.750
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	6.093.294.239	-	-	6.093.294.239
Thanh lý, nhượng bán	(6.261.071.251)	(427.210.846)	(10.112.000)	(98.718.351)	(6.797.112.448)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>108.697.778.384</b>	<b>353.655.121.548</b>	<b>10.165.190.217</b>	<b>4.584.613.392</b>	<b>477.102.703.541</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	58.145.834.492	176.283.598.585	4.383.732.107	2.364.595.679	241.177.760.863
Khấu hao trong kỳ	2.743.229.174	12.830.661.180	534.124.524	169.058.547	16.277.073.423
Thanh lý, nhượng bán	(1.669.619.000)	(427.210.846)	(10.112.000)	(98.718.351)	(2.205.660.197)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>59.219.444.666</b>	<b>188.687.048.918</b>	<b>4.907.744.631</b>	<b>2.434.935.875</b>	<b>255.249.174.089</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	56.813.015.143	171.705.439.570	5.791.570.110	2.318.736.064	236.628.760.887
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>49.478.333.718</b>	<b>164.968.072.630</b>	<b>5.257.445.587</b>	<b>2.149.677.517</b>	<b>221.853.529.452</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn là 138.223.802.407 đồng (xem mục 5.18).

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 61.327.628.314 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù, san lấp	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.168.071.758	2.826.617.042	12.994.688.800
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.168.071.758</b>	<b>2.826.617.042</b>	<b>12.994.688.800</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.081.362.520	1.585.176.384	3.666.538.904
Khấu hao trong kỳ	505.945.255	124.593.434	630.538.689
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.587.307.775</b>	<b>1.709.769.818</b>	<b>4.297.077.593</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	8.086.709.238	1.241.440.658	9.328.149.896
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.580.763.983</b>	<b>1.116.847.224</b>	<b>8.697.611.207</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của quyền sử dụng đất đã dùng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn là 5.246.707.958 đồng (xem mục 5.12 của thuyết minh này).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 81.667.841 đồng.

*(Phần tiếp theo trang 24)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

### 5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Cụm Chế biến Công nghiệp Tây Sông Vàm Cỏ	15.626.879.503	15.083.667.296
- Chi phí đền bù, giải tỏa	10.734.562.273	10.872.177.451
- Chi phí lương	1.755.178.940	1.457.440.929
- Chi phí nhà tạm	611.560.909	611.560.909
- Chi phí tư vấn thiết kế	346.659.462	346.659.462
- Chi phí rà phá bom mìn	149.923.000	-
- Chi phí khác	2.028.994.919	1.795.828.545
Các dự án tại Xí nghiệp Thành Long	4.876.678.800	821.161.016
Chi phí sửa chữa lớn	8.089.440.686	-
Các dự án khác	7.522.506.013	1.888.058.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.115.505.002</b>	<b>17.792.887.012</b>

### 5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

#### 5.9.1 Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hải Vi với tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

#### 5.9.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu	52.075.515.864	60.675.515.864
Trái phiếu công trình	170.000.000	170.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn khác</b>	<b>52.245.515.864</b>	<b>60.845.515.864</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(21.443.515.864)	(26.491.515.864)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn khác</b>	<b>30.802.000.000</b>	<b>34.354.000.000</b>

Tại thời điểm báo cáo tài chính này được phê chuẩn, Công ty không có dự định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư cổ phiếu tại các đơn vị sau:

	Số lượng	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2010
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.040.000	43.075.515.864
CTCP Giao dịch Hàng hóa Sài Gòn Thương Tín	750.000	9.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b><u>52.075.515.864</u></b>

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là khoản dự phòng giảm giá cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

### 5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ đầu tư trồng mới, đầu tư hạ tầng năm 2010	11.149.169.053	-
Chi phí hợp tác sản xuất mía tại Nhà máy Trị An	1.385.421.819	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.534.590.872</u></b>	<b><u>-</u></b>

### 5.11. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế hoãn lại phát sinh từ năm 2008 từ khoản chênh lệch giữa thuế và kế toán về thời gian khấu hao tài sản cố định.

### 5.12. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng	330.869.706.603	231.522.223.500
Vay dài hạn đến hạn trả (xem mục 5.18)	<u>14.208.492.721</u>	<u>24.737.478.121</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>345.078.199.324</u></b>	<b><u>256.259.701.621</u></b>

Các khoản vay ngắn hạn là khoản vay tại các ngân hàng với lãi suất từ 12%/năm đến 13,5%/năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và từ 4%/năm đến 6,4%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Các khoản phải thu khách hàng với điều kiện giá trị các khoản phải thu tại mọi thời điểm tương ứng 8 triệu USD.
- Một phần hàng tồn kho với điều kiện giá trị hàng tồn kho ít nhất phải bằng 100 tỷ đồng (xem mục 5.4).
- Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 5.246.707.958 đồng (xem mục 5.7).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

---

### 5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	22.539.835.934	24.893.790.942
Người mua trả tiền trước	<u>16.031.202.320</u>	<u>7.447.052.420</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>38.571.038.254</u></b>	<b><u>32.340.843.362</u></b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	3.942.487.841
Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.456.180	344.712.060
Thuế nhập khẩu	259.470	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.984.958.886	951.532.224
Khác	<u>(103.947.253)</u>	<u>43.926.384</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.931.727.283</u></b>	<b><u>5.282.658.509</u></b>

### 5.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương 6 tháng năm 2010 còn phải trả công nhân viên.

*(Phần tiếp theo trang 27)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

### 5.16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lớn	14.057.565.482	-
Chi phí hỗ trợ trồng mía	11.716.931.109	4.487.934.880
Chi phí nước	2.185.714.286	1.500.000.000
Chi phí vận chuyển nội bộ	-	1.500.224.370
Chi phí vận chuyển đường giao khách hàng	-	545.303.024
Chi phí kiểm toán	450.000.000	100.000.000
Khác	<u>1.180.000.000</u>	<u>722.996.801</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>29.590.210.877</u></b>	<b><u>8.856.459.075</u></b>

### 5.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	492.133.311	444.253.630
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	236.980.000	641.740.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>15.514.843.992</u>	<u>12.387.745.928</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>16.243.957.303</u></b>	<b><u>13.473.739.558</u></b>

Các khoản phải trả, phải nộp khác chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay quỹ tiết kiệm của Công đoàn	11.895.224.151	8.743.378.512
Cổ tức phải trả	1.388.514.100	1.344.170.600
Dự án nhà ở cán bộ công nhân viên	948.448.189	948.448.189
Khác	<u>1.282.657.552</u>	<u>1.351.748.627</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>15.514.843.992</u></b>	<b><u>12.387.745.928</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

---

### 5.18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng	138.121.788.895	148.650.774.295
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (xem mục 5.12)	(14.208.492.721)	(24.737.478.121)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>123.913.296.174</u></b>	<b><u>123.913.296.174</u></b>

Các khoản vay dài hạn là khoản vay tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,9%/năm đến 12%/năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại với số tiền 138.223.802.407 đồng (xem mục 5.6).

*(Phần tiếp theo trang 29)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

#### 5.19. Vốn chủ sở hữu

##### 5.19.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	185.316.200.000	154.476.840.000	-	27.632.282.412	6.910.585.120	(43.276.152.510)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	120.086.686.019
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.531.620.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(3.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	(1.852.417.625)	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-	(1.796.015.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>154.476.840.000</b>	<b>(1.852.417.625)</b>	<b>27.632.282.412</b>	<b>6.910.585.120</b>	<b>52.982.898.509</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	51.219.618.720
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(27.798.431.819)
Trích lập quỹ	-	-	-	15.450.770.841	3.441.157.951	(22.855.325.140)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	4.574.221.523	-	-	-
Chi khác	-	-	-	-	-	(2.329.141.550)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>154.476.840.000</b>	<b>2.721.803.898</b>	<b>43.083.053.253</b>	<b>10.351.743.071</b>	<b>51.219.618.720</b>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2009 là 3.400.099.642 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

**5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Giá trị</i>		<i>Tỷ lệ (%)</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà Nước	20.849.400.000	20.849.400.000	11,25	11,25
Đối tượng khác	164.466.800.000	164.466.800.000	88,75	88,75
<b>Tổng cộng</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**5.19.3 Cổ tức**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	27.798.431.819	-

Trong 6 tháng đầu năm 2010, Công ty đã chi cổ tức đợt cuối năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% trên vốn chủ sở hữu.

**5.19.4 Cổ phần**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	18.531.620	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	18.531.620	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	18.531.620	18.531.620
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.		

(Phần tiếp theo trang 31)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
Doanh thu bán hàng	841.357.440.570	461.702.668.606
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>5.021.812.926</u>	<u>4.248.712.998</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b>846.379.253.496</b>	<b>465.951.381.604</b>
Các khoản giảm trừ	<u>(2.151.790.929)</u>	<u>(657.641.068)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>844.227.462.567</u></b>	<b><u>465.293.740.536</u></b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
Giá vốn bán hàng	735.745.026.522	412.766.992.258
Giá vốn cung cấp dịch vụ	<u>2.545.321.924</u>	<u>1.371.329.034</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>738.290.348.446</u></b>	<b><u>414.138.321.292</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
Lãi từ đầu tư trồng mía	2.335.069.134	1.551.546.612
Lãi đầu tư chứng khoán, tiền gửi tiết kiệm	1.620.916.956	164.993.500
Lãi tiền gửi ngân hàng	311.557.750	1.015.176.979
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.000.000
Khác	<u>1.169.807.123</u>	<u>852.005.297</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.437.350.963</u></b>	<b><u>3.588.722.388</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí lãi vay ngân hàng	21.382.551.603	8.271.026.613
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	5.227.200.000	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(10.275.200.000)	(21.813.646.500)
Khác	<u>3.399.707.259</u>	<u>560.026.580</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>19.734.258.862</u></b>	<b><u>(12.982.593.307)</u></b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí nhân viên	4.978.962.279	2.671.862.052
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	109.590.668	18.742.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	464.260.968	273.853.464
Chi phí tiếp thị, khuyến mãi	2.187.414.199	1.542.030.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.063.508.137	2.510.120.783
Chi phí bằng tiền khác	<u>1.337.271.033</u>	<u>1.550.697.975</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>14.141.007.284</u></b>	<b><u>8.567.307.435</u></b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí nhân viên	8.440.850.225	4.829.962.779
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	50.831.537	427.817.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.496.883	449.997.562
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1.969.917.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.248.811.986	1.645.508.575
Chi phí bằng tiền khác	<u>3.699.381.333</u>	<u>1.466.384.496</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>15.691.371.964</u></b>	<b><u>10.789.588.534</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

### 6.7. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.579.833.166	204.691.582
Thu nhập khác	<u>24.783.000</u>	<u>14.300.001</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.604.616.166</u></b>	<b><u>218.991.583</u></b>

### 6.8. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.591.452.251	-
Chi phí khác	<u>8.250.000</u>	<u>31.045.455</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.599.702.251</u></b>	<b><u>31.045.455</u></b>

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	6.478.944.271	497.102.812
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	<u>4.114.177.898</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>10.593.122.169</u></b>	<b><u>497.102.812</u></b>

Chi phí thuế thu nhập của các năm trước được tính theo công văn số 10997/BTC-CST ngày 8/9/2006 của Kiểm toán Nhà nước. Theo công văn này, Công ty chỉ được thực hiện lần lượt từng loại ưu đãi thuế, không được cộng dồn ưu đãi cổ phần hóa và ưu đãi có cổ phiếu niêm yết lần đầu. Do đó, trong năm 2010 Công ty đã nộp thêm thuế TNDN năm 2007 là 4.114.177.898 đồng.

(Phần tiếp theo trang 34)

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

---

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu	7.000.000.000	13.210.146.285
Phải trả	3.114.369.072	4.480.603.426
Vay ngắn hạn	144.642.215.253	46.293.000.000
Vay dài hạn	32.140.000.000	35.712.000.000
Đầu tư chứng khoán	43.075.515.864	43.075.515.864

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Bán hàng	43.501.289.434	21.892.364.329
Mua hàng	55.612.646.285	48.425.470.000
Chi phí lãi vay	7.473.403.568	1.823.865.200
Vay ngắn hạn	176.762.102.026	47.945.000.000
Trả nợ vay	80.864.537.193	7.144.000.000

Công ty vay tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho đầu tư tài sản cố định. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay bổ sung vốn lưu động từ các bên có liên quan không có tài sản bảo đảm và thời gian hoàn trả theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay tài trợ cho tài sản cố định được bảo đảm và thời gian hoàn trả là năm 2015.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Thù lao Hội đồng quản trị	720.000.000	600.000.000
Lương Tổng Giám đốc	270.499.079	198.749.426
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.038.499.079</b>	<b>798.749.426</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

---

**8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi phải điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 đã được Tổng Giám Đốc Công ty lập và phát hành vào ngày 12 tháng 8 năm 2010.

*Ngày 12 tháng 8 năm 2010*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**VÕ CÔNG MINH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN LỘC**